

PHẦN THỨ HAI

**TỪ CÁC ĐẾ QUỐC  
ĐẾN “THẾ GIỚI HÓA”**

*Chủ nghĩa tư bản thống trị thế giới và xui  
khiến các nhà hoạt động Nhà nước nhảy múa  
như những con rối trên sợi dây.*

W. SOMBARF

Chủ nghĩa tư bản không phải là một người, cũng không phải là một định chế. Nó không có ước muốn, cũng không lựa chọn. Nó là một logic vận hành qua một phương thức sản xuất: logic mù quáng, bướng bỉnh của sự tích lũy.

Lôgic này dựa vào sản xuất của cái, do giá trị sử dụng là chỗ tựa của giá trị thặng dư, giá trị này lại phải trở về với tư bản; hơn nữa, giá trị này phải được thực hiện, hàng hóa phải được bán đi; nếu không, sự tích lũy bị đình chỉ, và có thể xảy ra khủng hoảng.

Lôgic này được mở rộng vào phần ba cuối cùng của thế kỷ XVIII và trong hai phần ba đầu tiên của thế kỷ XIX, khi diễn ra “cuộc công nghiệp hóa đầu tiên”: dệt và áo quần; máy móc; dụng cụ và đồ dùng gia đình bằng kim loại; đường sắt và vũ khí.

Lôgic này trước tiên phát triển ở Anh, rồi với những khoảng cách khác nhau, ở các nước châu Âu và ở Hoa Kỳ.

Khi nhắc tới chủ nghĩa tư bản được thực hiện trong lịch sử, người ta không thể chỉ hạn chế vào “phương thức sản xuất” và lôgic của nó, bởi vì có những quốc gia, trong đó, chủ nghĩa tư bản phát triển; và những tranh đua giữa các quốc gia, ngay cả khi

chúng được nuôi dưỡng và đánh dấu bằng những sự đối lập giữa các chủ nghĩa tư bản quốc gia, cũng không thể được quy thành “phương thức sản xuất” và logic của nó. Có những giai cấp tan rã và quy tụ lại cùng với sự vận động lớn của sự phát triển tư bản chủ nghĩa, những cuộc đấu tranh, những liên minh - với những đặc thù của chúng trong mỗi hình thái xã hội. Có nhà nước, có bộ máy thống trị, điểm chiến lược của những liên minh của các giai cấp và của các tương quan lực lượng. Có những ý tưởng, những tín ngưỡng, những tôn giáo, cặp đôi hiểu biết và ngu dốt không bao giờ đứng yên, các hệ tư tưởng; lại có chủ nghĩa chủng tộc, chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa quân phiệt, óc thống trị và óc hiểu thắng...

Chủ nghĩa tư bản khi bành trướng đã gặp phải những hiện thực xã hội ấy: nó vấp phải hoặc lợi dụng những hiện thực vừa nói; nó làm đảo lộn chúng, biến đổi chúng, kiểm chế chúng hay đẩy chúng tới chỗ kịch phát. Đó là tất cả những gì cần nói tới khi muốn hiểu được chủ nghĩa tư bản trong sự vận động lịch sử của nó. Nhưng làm điều đó như thế nào để không đi tới chỗ thái quá, không rơi vào lối đơn giản hóa quá mức?

Chẳng hạn gia đình. Với chủ nghĩa tư bản, nó trở thành tế bào tái sản xuất và duy trì sức lao động, nhưng vẫn là nơi tái sản xuất xã hội tổng thể một cách phức hợp. Chính qua nó mà các giai cấp suy tàn vẫn sống dai dẳng; cũng chính qua nó mà các giai cấp mới đã hình thành từ các giai cấp cũ: những nông dân mất gốc hay những thợ thủ công trở thành công nhân - và cả những gia đình quý tộc liên minh với các chủ ngân hàng hay với thương nhân để dựng lên một “triều đại tư sản” gắn với công nghiệp, thương mại hay ngân hàng. Qua gia đình mà những chuẩn mực căn bản của xã hội (hệ thứ bậc, kỷ luật, tiết kiệm, tiêu dùng) được truyền thụ; nhưng không có gia đình thì nhiều cuộc đấu tranh của phong trào công nhân cũng không thể phát triển và nhiều cuộc bãi công không thể thực hiện được.

Hoặc nhà trường. Trong phái tả sau 1968, việc tố cáo trường học tư sản đã trở thành một; và đúng là trường học đã phục vụ

cho sự truyền bá những giá trị, những tư tưởng và những chuẩn mực của xã hội tư sản thật. Nhưng nó cũng đã truyền bá những nguyên lý và những lý tưởng cộng hòa, dân chủ và thường là cả xã hội chủ nghĩa nữa: đọc, viết và kiến thức là cơ sở của tự do và của đời sống dân chủ, dù những điều đó cho phép phát triển những sách báo làm cho người ta suy yếu đi và những hình thức tuyên truyền mới...

Vào những năm 1870-1880, chủ nghĩa tư bản chỉ mới cách mạng hóa được một phần nước Anh và nó chỉ được khẳng định rõ rệt ở những vùng khá hạn chế ở châu Âu lục địa và của Bắc Mỹ. Chỉ trong một thế kỷ, nó lan rộng, tập trung và xuất hiện với một sức sống không thể tin được; qua sự tăng lên của những kỹ thuật mới và những ngành công nghiệp mới, trên cơ sở tập trung tư bản ngày càng rộng lớn và mạnh mẽ và mở rộng phạm vi hoạt động của nó trên toàn thế giới, với sự suy tàn của những đế quốc đầu tiên và sự đi lên của những đế quốc mới; với sự khẳng định và thừa nhận phong trào công nhân và việc đặt những phương tiện thống trị mới lên những người lao động.

Đó là cơn sóng thần kỳ lạ mà từ một cuộc suy sụp đầu tiên đã đưa tới chủ nghĩa đế quốc, tới sự phân chia thế giới và “Đại chiến”, rồi từ một cuộc khôi phục đầu tiên, với sự phồn thịnh ngắn ngủi và sự đi lên của chủ nghĩa phát xít, đã bị chao đảo trong cuộc đại khủng hoảng rồi trong Chiến tranh thế giới thứ hai; và cuối cùng, sau một cuộc khôi phục mới, đã đưa tới sự phi thực dân hóa, tăng trưởng, thịnh vượng cho đến khi nổ ra một cuộc “Đại khủng hoảng” thế giới mới, mà một số người cho là nó có thể đi tới cuộc “Chiến tranh thế giới thứ ba”. Một thế kỷ khai thác và phá sạch hành tinh; một thế kỷ công nghiệp hóa gia tốc, hiện đại hóa và “phát triển tình trạng kém phát triển”; một thế kỷ chủ nghĩa đế quốc.

Đoạn trên đây mở đầu phần thứ hai của lần xuất bản đầu tiên cuốn sách này. Ngày nay tôi có lẽ sẽ viết khác đi, nhưng tôi không

thay đổi một chữ nào cả<sup>1</sup>. Nhưng tôi phải bổ sung nó, vì hai lý do: vì trong hai mươi năm cuối thế kỷ XX, sự cải biến tư bản chủ nghĩa đối với thế giới và các xã hội đã mở rộng và đẩy mạnh; và có lẽ cũng vì trong thời gian này, tôi vẫn tiếp tục suy nghĩ.

Khi nhìn lại, trước hết cần phải nhấn mạnh tầm quan trọng của sự đứt đoạn trong lịch sử các xã hội loài người, thể hiện ở sự ra đời của chủ nghĩa tư bản thương mại và công trường thủ công, sự chuyển tiếp từ chủ nghĩa tư bản công trường thủ công sang chủ nghĩa tư bản công nghiệp (thường được gọi là “cách mạng công nghiệp” và công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa ở thế kỷ XIX<sup>2</sup>.

Sự đứt đoạn ấy thật hiển nhiên trong những cách sản xuất tiêu dùng, di lại, giao tiếp, sống: những thay đổi tương đối hạn chế từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII đã được mở rộng và đẩy mạnh ở các thế kỷ XIX và XX, lại nổi bật mạnh mẽ trong những thập kỷ cuối của thế kỷ XX. Về mức sản xuất tính theo đầu người trên hành tinh và, đáng chú ý hơn, về những mức sản xuất tính theo đầu người của các nước giàu (sơ đồ X), thì những sự gia tốc thật hiển nhiên; từ đầu thế kỷ XIX đến cuối thế kỷ XX, mức sản xuất theo đầu người trên hành tinh tăng gấp sáu lần; và vì dân số thế giới tăng từ một lên sáu tỷ, nên người ta có thể ước tính rằng, sản xuất chung của thế giới tăng gấp ba mươi sáu lần; những con số khổng lồ chưa bao giờ đạt tới chỉ trong một thời kỳ lịch sử ngắn của các xã hội loài người.

Cũng vậy, như sơ đồ XI minh họa, từ đầu thế kỷ XIX đến cuối thế kỷ XX, tốc độ di chuyển trên bộ của con người tăng gấp 14 lần, khả năng huy động một năng lượng tập trung tăng gấp 300 triệu lần, khả năng hủy hoại của những vũ khí mạnh nhất tăng gấp hơn một tỷ lần, khả năng (đo bằng tốc độ và số lượng) truyền các luồng thông tin tăng gấp hàng nghìn tỷ lần. Những biến đổi này làm giảm sức mạnh của những kẻ mạnh và mở ra những

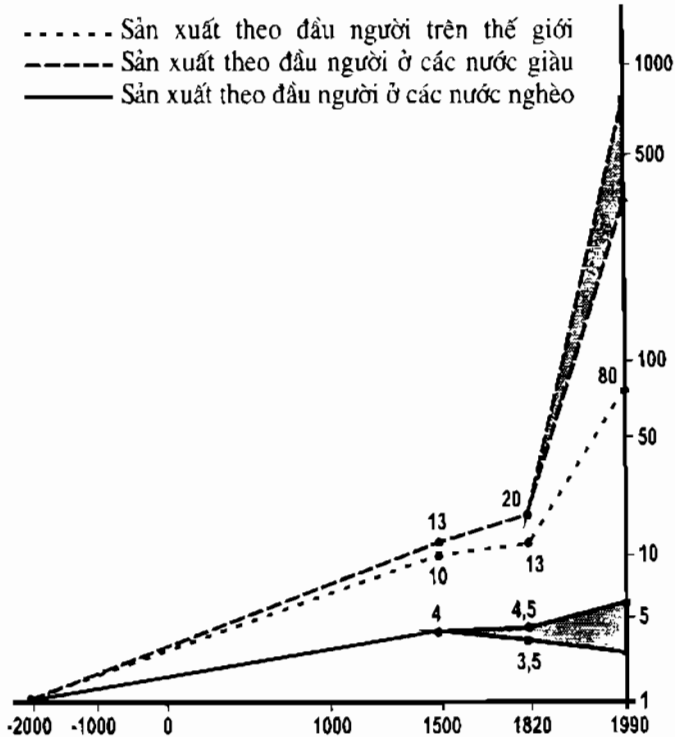
---

1. Đoạn này viết năm 1999.

2. Xem Beaud 1997.

Sơ đồ X

Nhân tố tăng sản xuất theo đầu người, trên thế giới, ở các nước giàu và ở các nước nghèo - năm 1500, 1820, 1990 - so với thời những nền văn minh lớn (cơ sở 1)



thang đo khả năng rộng lớn cho những hạng người khác nhau đang nắm giữ sức mua.

Nếu tính hai mươi năm cuối cùng của thế kỷ XX, thì có những trung tâm công nghiệp hóa và hiện đại hóa mới, xuất hiện ở thế giới thứ ba sau chiến tranh, đã rơi vào khủng hoảng trong những năm 1980; những “con rồng” mới ở Đông Á và Đông Nam Á đã bị cuộc khủng hoảng cuối những năm 1990 làm lung

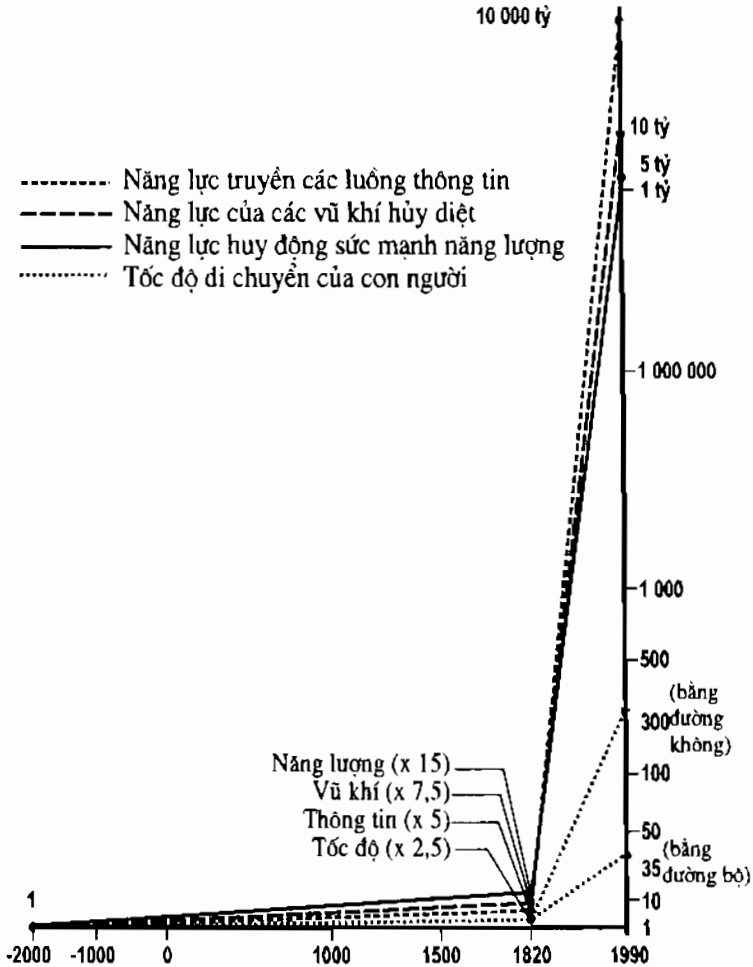
lay; hệ thống kinh tế theo lối nhà nước chỉ huy của Liên Xô và các nước chịu ảnh hưởng của chế độ Xôviết đã bị sụp đổ, nhường lại một cách hiển nhiên vị trí thứ nhất cho chủ nghĩa tư bản như sức mạnh cải biến thế giới. Các nhà lãnh đạo và các nhà kinh tế học của Hoa Kỳ, của Quỹ Tiền tệ quốc tế và Ngân hàng Thế giới đang nói tới “kinh tế thị trường”; nhưng chính là họ kêu gọi để cho chủ nghĩa tư bản có trường hoạt động tự do ở khắp nơi.

Trong khi đó, chủ nghĩa tư bản của các nước Tây Ba (Triade, gồm Bắc Mỹ, Nhật Bản và Tây Âu) tự đổi mới và làm giảm bớt sức mạnh cải biến của nó bằng cách huy động những cống hiến của nghiên cứu khoa học và ngày càng định hướng nó, đôi khi còn kiểm soát nó: sau chủ nghĩa tư bản công nghiệp của thế kỷ XX, một thứ chủ nghĩa tư bản mới có cơ sở khoa học - kỹ thuật đang xuất hiện. Trong sự vận động ấy, những trao đổi và lệ thuộc lẫn nhau, những bất bình đẳng và chênh lệch đang tăng lên; và chủ đề toàn cầu hóa, vừa bao trùm những hiện thực không thể chối cãi được (tài chính toàn cầu, những vấn đề môi trường của hành tinh, những sản phẩm thế giới, internet...) lại vừa có một chức năng hệ tư tưởng: nó biện minh cho các quyết định (hoặc không quyết định) không thể biện minh của những người lãnh đạo các công ty hay các nước, và phủ một ẩn dụ hấp dẫn lên những hệ quả đen tối của sự trở lại mạnh mẽ của một thứ chủ nghĩa tư bản tự do trên thế giới với việc tìm cách thoát khỏi tất cả những kiểm soát.

Phần thứ nhất đã đưa chúng ta từ sự cướp bóc vàng bạc của châu Mỹ đến sự tích lũy tư bản và từ chủ nghĩa tư bản buôn bán đến chủ nghĩa tư bản công nghiệp. Phần thứ hai này sẽ đưa chúng ta đi từ chủ nghĩa tư bản công nghiệp đến chủ nghĩa tư bản khoa học - kỹ thuật và từ các đế quốc đến “toàn cầu hóa”, mà đằng sau nó không được quên sự có mặt của những Công ty Rất Lớn, những tư bản chủ nghĩa thống trị và những cường quốc.

Sơ đồ XI

Nhân tố tăng sản xuất của một vài năng lực con người - ở thời đại cách mạng công nghiệp và hiện nay - so với thời những nền văn minh lớn cổ đại (cơ sở I)





## 4. Từ Đại Suy thoái đến Đại chiến (1873-1914)

Trước khi chủ nghĩa tư bản thống trị, đời sống kinh tế đã trải qua những chấn động ít nhiều đều đặn, gắn liền với những điều kiện khí tượng và với những vụ thu hoạch, với những cân bằng dân số, với các cuộc chiến tranh. Toàn bộ giai đoạn công nghiệp hóa diễn ra qua những vận động chu kỳ khá đều đặn: những thời kỳ phồn vinh và hoan hỉ bị một sự suy thoái kìm hãm hay bị một cuộc khủng hoảng phá vỡ.

Nguồn gốc của những “khủng hoảng ở thế kỷ XIX”<sup>1</sup> là sự mất đi những nơi tiêu thụ và cung cấp do chiến tranh hay sự chuyển đổi sau chiến tranh gây ra, sự thu hẹp thị trường của dân cư nông thôn do mất mùa hay sự phát triển ngày càng quá mức về năng lực sản xuất, sự cạnh tranh gay gắt hơn, lợi nhuận giảm xuống do khó thực hiện giá trị đã được tạo ra và giá cả hạ thấp.

Cuộc “Đại Suy thoái” (*Grande Dépression*) mở ra với một cuộc khủng hoảng năm 1873 và kéo dài cho tới năm 1895, nó cũng đồng thời mở ra kỷ nguyên chủ nghĩa tư bản công nghiệp thứ hai và thời đại chủ nghĩa đế quốc. Đặc biệt với:

- sự phát triển của kỹ thuật công nghiệp và các ngành công nghiệp thuộc thế hệ thứ hai;

---

1. C. Juglar, *Các cuộc khủng hoảng thương mại và sự trở lại thường kỳ của chúng*, 1861; A. Aftalion, *Các cuộc khủng hoảng sản xuất thừa thường kỳ*, 1913; M. Tougan-Baranowsky, *Các cuộc khủng hoảng công nghiệp ở Anh*, 1912; J. Lescure, *Về các cuộc khủng hoảng sản xuất thừa chung và thường kỳ*, 1923; W.C. Michell, *Các chu kỳ kinh doanh*, 1927; A.C. Pigou, *Các dao động trong công nghiệp*, 1929.

- sự khẳng định của phong trào công nhân đã giành được những nhượng bộ đáng kể ở các nước công nghiệp hóa;
- sự tập trung tư bản và sự xuất hiện của tư bản tài chính;
- một làn sóng thực dân hóa và bành trướng mới trên phạm vi thế giới, đưa tới sự “phân chia thế giới” và “Đại chiến”.

### 1. “Đại Suy thoái” (1873-1895)

Thoạt nhìn, mỗi cuộc khủng hoảng tạo nên “Đại khủng hoảng” là nằm trong chuỗi “những cuộc khủng hoảng ở thế kỷ XIX”.

Năm 1873: sự phá sản thị trường chứng khoán ở Vienne kéo theo những cuộc phá sản ngân hàng ở Áo rồi ở Đức; công nghiệp nặng của Đức, với nỗ lực chiến tranh, vừa mới biết tới việc xây dựng đường sắt và đóng tàu, một sự bành trướng mạnh mẽ đã bị kẹt vào tình trạng chi phí cao lên và tính sinh lợi giảm xuống; sản xuất gang giảm 21% năm 1874 và giá cả sụt xuống 37%; nạn thất nghiệp kéo theo sự trở về nông thôn của một số công nhân và, vào tháng mười 1875, nam tước von Oppenheim đã có thể viết rằng: “Năm mươi sáu năm nay, chưa hề có một cuộc khủng hoảng nào kéo dài đến thế”<sup>1</sup>.

Ở Hoa Kỳ, chiều dài những con đường sắt đã làm xong tăng thêm 50% từ 1869 đến 1873; đầu cơ, khan hiếm nhân công, chi phí cao lên kết hợp với nhau, tính sinh lợi sụt giảm đưa tới cơn hoảng hốt của thị trường chứng khoán và sự phá sản các ngân hàng và các công ty đường sắt; việc xây dựng đường sắt vốn là một nguồn tiêu thụ chủ yếu của sản xuất gang, nhưng giá cả lại giảm 27% từ 1873 đến 1875; thất nghiệp, tiền công hạ thấp, khủng hoảng lan sang ngành xây dựng và dệt. Ở Anh, xuất khẩu giảm sút 25% trong những năm 1872-1875; số vụ phá sản tăng lên (7490 năm 1873, 13130 năm 1879); nạn thất nghiệp lan rộng, giá cả hạ xuống. Những năng lực sản xuất thừa hết sức lớn: các chủ rèn có thể sản xuất tới 2,5 triệu tấn đường ray năm 1873;

1. Được dẫn trong Ch.P. Kindleberger, *Các biểu hiện kỳ quặc, hoảng loạn và đổ vỡ*, 1978, tr. 216 và 251; xem thêm M. Flamant và J. Singer-Kerel, *Các cuộc khủng hoảng và suy thoái kinh tế*, tr. 38, và H. Heaton, *sdd*, t. II, tr. 241.

nhưng sự tiêu dùng đường ray rơi xuống mức 500000 tấn; giá cả đường ray sụt 60% từ 1872 đến 1881.

Năm 1882: sự phá sản thị trường chứng khoán ở Lyon kéo theo sự phá sản của Ngân hàng Lyon và Loire, rồi của Tổng hiệp hội và nhiều cuộc phá sản ngân hàng khác, cũng như những cuộc phá sản công nghiệp: mỏ và luyện kim, xây dựng, dệt và sứ. Nạn thất nghiệp tăng mạnh, tiền công sụt xuống. “Chưa bao giờ tôi thấy có một thảm họa như vậy”, giám đốc Ngân hàng Tín dụng Lyon (*Crédit lyonnais*) tuyên bố<sup>1</sup>. Bắt nguồn từ sự phát triển gắn liền với việc thực hiện “kế hoạch Freycinet”, sự chậm lại của những công trình công cộng, nhất là của việc xây dựng đường sắt, là nguồn gốc của cơn lốc suy thoái này.

Năm 1884: “Cơn hoảng hốt về đường sắt” ở Hoa Kỳ; việc xây dựng đường sắt thật ra đã được khôi phục (4300 km năm 1878, 18 600 km năm 1882), nhưng nó bị đứt hơi nhanh chóng (6300 km năm 1884). Các công ty đường sắt bị kẹt giữa chi phí xây dựng đường sắt tăng cao và sự cạnh tranh của chúng với nhau. Thị giá cổ phiếu của Hiệp hội Thái Bình Dương suy sụp, tiếp theo là thị giá của nhiều chứng khoán đường sắt, rồi những vụ phá sản ngân hàng và hoạt động công nghiệp chậm lại với những vụ phá sản, nạn thất nghiệp và tiền công hạ thấp (từ 15 đến 22% trong luyện kim, từ 25 đến 30% trong ngành dệt). Nhân cuộc khủng hoảng này, tập đoàn Carnegie được củng cố, nhất là bằng cách mua lại với giá rẻ các nhà máy cạnh tranh.

Nước Đức vừa mới trải qua một thời kỳ suy thoái dài, từ năm 1879 đã bước vào con đường chủ nghĩa bảo hộ và các-ten hóa (bảy mươi sáu các-ten được lập ra từ 1879 đến 1885). Nước Anh chịu ảnh hưởng của các cuộc khủng hoảng này: xuất khẩu khó khăn hơn sang các nước bị khủng hoảng, tranh đua mạnh hơn trên các thị trường, hoạt động chậm lại, giá bán buôn sụt giảm, nạn thất nghiệp tăng lên, đặng tới hơn 10% công nhân có công đoàn; sự suy sụp này chỉ kết thúc vào năm 1886-1887.

---

1. Được dẫn trong J. Bouvier, *Sự phá sản của Tổng hiệp hội*, PUF, 1960, tr. 145.

Việc phát hiện ra vàng ở Nam Phi, dự án của Pháp về kênh đào Panama, việc mở các tuyến đường sắt mới ở Hoa Kỳ, những triển vọng phát triển kinh tế mới ở Achentina, Australia, Tân Tây Lan: những triển vọng mới về lợi nhuận mở ra, những sự đầu cơ mới được tiến hành, tình trạng đó lại đưa tới những bế tắc mới.

Năm 1889: Ở Pháp, công ty được giao cho xây dựng kênh đào Panama và Công ty thương mại (lao vào đầu cơ đồng) bị phá sản. Một cơn sốt hoảng về thị trường chứng khoán, cuộc khủng hoảng tín dụng, sự suy sụp đưa tới một phản ứng bảo hộ (biểu thuế quan Méline).

Năm 1890: Ở Anh, ngân hàng Baring - đã trở thành đại lý tài chính của Cộng hòa Achentina - là nạn nhân của một cuộc khủng hoảng lòng tin do gặp những khó khăn kinh tế và tài chính và những cơn co giật chính trị ở nước này: nó phải đình chỉ những khoản thanh toán; sự can thiệp của Ngân hàng Anh quốc và các ngân hàng lớn của Anh đã cho phép hạn chế cơn sốt hoảng ngân hàng lại. Nhưng một cuộc suy thoái mới lại xuất hiện, trước hết đụng tới ngành dệt, nhất là dệt vải bông, rồi ngành đóng tàu và luyện kim; nó càng trở nên nghiêm trọng do sự giảm bớt những trao đổi gắn liền với các cuộc khủng hoảng giáng vào Hoa Kỳ, Achentina và Australia năm 1893.

Nước Đức, ngày càng hướng vào việc giành những thị trường bên ngoài, cũng bị cuộc khủng hoảng này đụng tới. Việc các-ten hóa ngày càng tăng (một trăm ba mươi bảy các-ten đang hoạt động) mở ra con đường đi tới một phương thức điều tiết kinh tế mới.

Năm 1893: Cho đến lúc đó Hoa Kỳ đã trải qua một thời kỳ phồn thịnh, với sự phục hồi trong ngành xây dựng nhà cửa và đường sắt, cũng như nhiều vụ được mùa. Các tư-rót lớn đã khẳng định được sức mạnh của chúng (Rockefeller, Carnegie, Morgan) và một biểu thuế quan bảo hộ đã được thực hiện năm 1890 đối với công nghiệp (biểu thuế quan McKinley). Nhưng một lần nữa, các công ty đường sắt lại bị sụt giảm lợi nhuận; một số công ty đình chỉ thanh toán; thị giá chứng khoán về đường sắt suy sụp;

491 ngân hàng bị phá sản. Sự suy thoái còn trở nên nghiêm trọng hơn vào năm 1894, với sự phát triển của nạn thất nghiệp và với nỗ lực giảm bớt tiền công.

Trong mỗi cuộc khủng hoảng này, dấu hiệu nổi bật nhất là về thị trường chứng khoán (thị giá suy sụp, cơn sốt hoảng) hoặc về ngân hàng (sự phá sản của một ngân hàng lớn hay những sự phá sản dây chuyền). Ở nền tảng, vẫn là logic ấy: chi phí tăng lên (chẳng hạn: tiền công cao lên, giá cả đường ray cho các đường sắt Hoa Kỳ cũng tăng lên), các nơi tiêu thụ giảm bớt (sức mua nông thôn và của những người lao động thuộc các khu vực khác giảm xuống, các khoản đầu tư công cộng ít hơn, những khó khăn trên các thị trường bên ngoài) và giá bán hạ thấp (cạnh tranh về giá cả, chiến tranh về các biểu thuế quan đường sắt ở Mỹ), trong khi tính sinh lợi bị suy thoái hoặc sụt giảm đột ngột, việc thực hiện giá trị sản xuất ra ở từng doanh nghiệp trở nên khó khăn hơn, cạnh tranh gay gắt lên, tình cảnh của các doanh nghiệp thuộc khu vực này ngày càng bấp bênh. Hồi đó, mọi cái đều có thể làm nổ ra khủng hoảng: một tin đồn về thị trường chứng khoán, một thị trường bị mất đi, một doanh nghiệp hay một ngân hàng đình chỉ thanh toán và đấy là mớ bòng bong không thể kiểm soát được.

Trong các cuộc khủng hoảng ở nửa đầu thế kỷ XIX, việc điều tiết được thực hiện qua hai sự vận động:

- Sụt giá và suy giảm sản xuất kéo theo sự suy giảm mạnh mẽ về giá trị thực hiện và, do đó, loại bỏ những doanh nghiệp dễ tổn thương nhất, hình thức “thanh lọc” triệt để thường kỳ của tư bản;
- Thất nghiệp và giảm tiền công, kéo theo sự tiêu dùng thấp của công nhân, góp phần mở rộng khủng hoảng (do đó, là sự “thanh lọc”) và cho phép khởi động một thời kỳ mới với một lực lượng lao động có sẵn với một “chi phí” giảm bớt.

Trong các cuộc khủng hoảng “đại suy thoái”, người ta cũng thấy giá cả hạ thấp kèm theo những sản phẩm chất đông và giảm xuống. Nhưng sự giảm xuống này là một “xu hướng nặng nề”

trong hai mươi năm ấy; chẳng hạn, từ 1873 đến 1896, giá bán buôn giảm 32% ở Anh, 40% ở Đức, 43% ở Pháp và 45% ở Hoa Kỳ. Sự vận động này đụng nhiều hơn tới một số sản phẩm: giá gang ở Scotland giảm 60% từ 1872 đến 1886<sup>1</sup>.

Người ta cũng thấy nạn thất nghiệp tăng lên: ở Anh, tỷ lệ công nhân công đoàn bị thất nghiệp đụng tới tăng lên đột ngột trong mỗi cuộc khủng hoảng: từ 1% năm 1872 lên hơn 11% năm 1879, từ 2% năm 1882 lên hơn 10% năm 1886, và từ 2% năm 1889-1890 lên 7,5% năm 1893<sup>2</sup>.

Còn tiền công thực tế thì có xu hướng hạ thấp theo mỗi cuộc khủng hoảng ở Hoa Kỳ, trong những khu vực bị đụng tới, khiến cho các cuộc đấu tranh trở nên rất quyết liệt. Nhưng hiện tượng này ở Anh và ở Pháp ít rõ hơn. Ở Anh, nếu lấy cơ sở năm 1850 là 100, thì tỷ lệ tiền công thực tế tính theo mỗi người lao động làm đủ giờ là 128 năm 1873 và 176 năm 1896; tuy rằng nó cũng bị giảm đi trong các cuộc khủng hoảng: từ 137 năm 1876 xuống 132 năm 1878, từ 137 năm 1879 xuống 134 năm 1880, từ 136 năm 1881 xuống 135 năm 1882, và từ 166 năm 1890 xuống 163 năm 1892, nhưng tính cả thời kỳ này, tỷ lệ ấy vẫn tăng 37%<sup>3</sup>.

Ở Pháp, tiền công thực tế tăng khoảng 25% từ 1873 đến 1896; nhưng sự vận động chung ấy bị các cuộc khủng hoảng điều tiết “nhịp độ”: đình đốn năm 1873, thụt lùi năm 1876-1877, đình đốn năm 1883 và 1887-1892<sup>4</sup>; và sự gia tăng chung của tiền công thực tế vẫn thấp hơn năng suất<sup>5</sup>.

1. M. Tougan-Baranowsky, *Các cuộc khủng hoảng công nghiệp ở Anh*, 1912, tr. 139.

2. J. Lescure, *Về các cuộc khủng hoảng sản xuất thừa chung và thường kỳ*, Sirey. 1923, tr. 474.

3. Theo A.G. Pigou, *Các dao động trong công nghiệp*, Mac Millan, Luân Đôn, 1929, tr. 385.

4. J. Lhomme, trong *Sự vận động xã hội, tháng tư - tháng sáu 1968*; J. Singer-Kerel, *Giá sinh hoạt ở Pháp từ 1840 đến 1954*.

5. Cepremap, *Các cách tiếp cận về lạm phát: ví dụ nước Pháp*, t. III và IV.

**Bảng 15**

**Sự vận động của giá bán buôn cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX**

Thời kỳ 1860-1913	Anh	Pháp	Đức	Hoa Kỳ
mức tối đa	1873: 152	1872 } 1873 } 144	1873: 136	1865: 213 (1873: 136)
mức tối thiểu	1896: 83	1896: 82	1895 } 1896 } 82	1896 } 1897 } 75
mức tối đa trước Đại chiến	1912 } 1913 } 116	1912 } 1913 } 116	1912 } 1913 } 115	1910: 113 (1912-1913: 112)

chỉ số cơ sở: 100 = 1901-1910

Nguồn: theo F. Mauro, *Lịch sử kinh tế thế giới*, tr. 400.

Người ta thấy đó là sự khởi đầu cho một biến đổi về phương thức điều tiết tư bản chủ nghĩa: tiền công thực tế khó bị giảm bớt trong thời kỳ khủng hoảng ở những nước giai cấp công nhân đã thiết lập được một tương quan lực lượng đủ thuận lợi cho nó.

Đồng thời, giới chủ tổ chức lại chủ nghĩa tư bản: lập ra những doanh nghiệp hay những nhóm có quy mô lớn (Hoa Kỳ, Anh), các-ten hóa (Đức), các tổ chức nghề nghiệp (Pháp). Cũng ở đó, những yếu tố của một phương thức điều tiết mới của kinh tế tư bản chủ nghĩa đã được thực hiện.

Đúng là sẽ quá đáng nếu đem đối lập triệt để phương thức điều tiết thấy có trong cuộc Đại suy thoái 1873-1896 với phương thức điều tiết ở hai phần ba đầu tiên của thế kỷ: nhưng người ta phải thấy rằng, nó vừa trải qua một biến đổi đầu tiên và căn bản.

Nhìn chung, Đại suy thoái ở thế kỷ XIX có những đặc điểm nào?

Mọi khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản đều là kết quả tác động của bốn mâu thuẫn căn bản:

W - giữa tư bản và lao động, nói cụ thể là giữa các doanh nghiệp tư bản chủ nghĩa và các giai cấp công nhân;

X - giữa các chủ nghĩa tư bản quốc gia;

Y - giữa các nhà tư bản chủ nghĩa (hoặc trong cùng một khu vực, hoặc giữa các khu vực);

Z - giữa các chủ nghĩa tư bản thống trị và các dân tộc, các xứ hay các vùng bị thống trị.

Trong thời kỳ này, những mâu thuẫn W và X có vẻ có tác dụng quyết định:

- các giai cấp công nhân được tổ chức, được khẳng định và cuối cùng có một trọng lượng rõ rệt trong sự vận hành của các chủ nghĩa tư bản quốc gia, điều này giải thích cho sự tăng thêm tiền công thực tế ở Pháp và ở Anh;
- sự di lên của các chủ nghĩa tư bản Đức và Bắc Mỹ gây tổn hại đối với bá quyền cho đến lúc đó là không thể chối cãi được của chủ nghĩa tư bản Anh, điều này cho phép hiểu rằng, Đại suy thoái chủ yếu dựa trên kinh tế của Anh.

“Mâu thuẫn Y” tác động một cách phức hợp bởi vì một mặt, những cơ cấu tư bản chủ nghĩa mới đã hình thành (tích tụ, tập trung tư bản, tư bản tài chính hình thành) và, mặt khác, sự phát triển của các khu vực mới cho phép khắc phục sự hụt hơi của các ngành công nghiệp thuộc thế hệ thứ nhất.

Còn “mâu thuẫn Z”, thì ở đây nó hoàn toàn không đóng vai trò một nhân tố khủng hoảng; nói cho đúng hơn, nó đóng vai trò nhân tố giải quyết khủng hoảng với sự bành trướng của chủ nghĩa tư bản trên quy mô thế giới, những xuất khẩu tư bản, sự thực dân hóa.

## 2. Kết thúc bá quyền của nước Anh

Có một *gentleman* (vị thượng lưu) nào hồi đó lại có thể nghi ngờ về tính vượt trội của nước Anh không? Sự say mê nước Anh lan khắp tất cả các giai cấp khá giả của châu Âu. Một ăn mặc của Anh đánh dấu sự thanh lịch của đàn ông. Các môn thể thao Anh ngày càng được học theo hoặc được mô phỏng: *base-ball* (bóng chày), *basket-ball* (bóng rổ), *football* (bóng đá), *lawn-*



*tennis* (quần vợt trên sân cỏ hay trên nền đất cứng), *rugby* (bóng bầu dục); kỷ nguyên của những *matches* (giao đấu) và *fair-play* (chơi đẹp) mở ra và ảnh hưởng của Anh là không thể phủ nhận được, dù người khởi xướng và cụ thể hóa ý tưởng khôi phục Thế vận hội Olympich của Athènes là một người Pháp, Pierre de Coubertin, vào năm 1896. Quân đội và chính quyền Anh có mặt khắp nơi trên thế giới; khách du lịch Anh tràn lán những cảnh quan thú vị nhất của Địa Trung Hải và khám phá những miền xa xôi nhất; Rudyard Kipling "ghi nhận" uy thế và trách nhiệm của người da trắng, mà người Anh là đại diện xuất sắc nhất; sau khi tham gia cuộc chiến tranh của người Boers, Baden Powell lập ra phong trào hướng đạo sinh và năm 1908 công bố *Scouting for Boys* (Hướng đạo cho nam sinh); mười lăm năm sau đó Conan Doyle tạo ra nhân vật Sherlock Holmes, một sự tổng hợp thanh lịch lối sống thực dụng và mãnh liệt, trực cảm và suy luận.

Sức mạnh, sự thịnh vượng và giàu có của Anh là không thể phủ nhận được. Luân Đôn chiếm vị trí thứ nhất của thế giới. Đồng bằng Anh là đồng tiền quốc tế. Sự thống trị của Anh trải rộng ra cả năm lục địa và chủ nghĩa tư bản Anh thu được lợi tức lớn (xem bảng 16).

Thế nhưng, một sự suy thoái tương đối đã bắt đầu mà các cuộc khủng hoảng 1873-1896 là những chấn động đầu tiên; các cuộc khủng hoảng này không có hậu quả giống nhau đối với các chủ nghĩa tư bản quốc gia khác nhau: ở Hoa Kỳ và ở Đức, chúng đi đôi với sự tăng trưởng mạnh mẽ của đường sắt, than, thép, đóng tàu; ở Anh nó đánh dấu sự hụt hơi của một chủ nghĩa tư bản hoàn toàn chín muồi và tràn trề sức mạnh.

Sự tiến triển của các ngành công nghiệp làm cơ sở cho công nghiệp hóa thứ nhất: than, gang và thép đã chứng tỏ điều đó (xem bảng 17).

Năm 1871, và cả năm 1880, Anh sản xuất than nhiều hơn của Hoa Kỳ và Đức cộng lại; năm 1913, sản xuất chỉ bằng gần nửa của Hoa Kỳ. Và về thép, nó rất nhanh chóng bị Hoa Kỳ rồi Đức vượt qua từ năm 1900.

**Bảng 16**

**Cán cân thanh toán thông thường của Anh**  
(triệu livre, mức trung bình năm của mỗi thời kỳ)

	cán cân thương mại	dĩ dân du lịch cai trị	vận tải biển	lợi nhuận lợi tức	bảo hiểm môi giới	số dư ròng chung
1876-1880	-124	-9	+54	+88	+16	+25
1806-1900	-159	-11	+62	+132	+16	+40
1911-1913	-140	-22	+100	+241	+27	+206

Nguồn: A.H. Imlah, được dẫn trong Ph. Daene và W.A. Cole, *British economic Growth*, t. II, tr. 36.

**Bảng 17**

**Sản xuất than, gang và thép ở Anh, Đức và Hoa Kỳ (triệu tấn)**

1. Than

	Anh	Đức	Hoa Kỳ
1871	117	29	42
1880	147	47	65
1890	182	70	143
1900	225	109	245
1913	292	190	571

2. Gang và Thép

	Anh		Đức <sup>a</sup>		Hoa Kỳ	
	gang	thép	gang	thép	gang	thép
1880	7,9	3,7	2,7	1,5	4,8 <sup>b</sup>	1,9 <sup>b</sup>
1890	8,0	5,3	4,7	3,2	10,1	4,7
1900	9,1	6,0	8,5	7,4	20,4 <sup>c</sup>	17,2 <sup>c</sup>
1910	10,2	7,6	14,8	13,1	30,8 <sup>d</sup>	31,8 <sup>d</sup>

a: kể cả Luxembourg

b: trung bình 1881-1885

c: trung bình 1901-1905

d: trung bình 1911-1915

Nguồn: J.H. Clapham, *Sự phát triển kinh tế của Pháp và Đức (1815-1914)*, Cambridge, University Press, 1951, tr. 281 và 285, và S.B. Clough, *Lịch sử kinh tế Hoa Kỳ, 1865-1952*, tr. 28 và 33.

Nói rộng hơn, các chủ nghĩa tư bản mới của Đức và Bắc Mỹ đã có một động năng tăng trưởng vượt xa các chủ nghĩa tư bản “cũ” của Pháp và Anh.

Từ cuộc “đại suy thoái” đến trước cuộc Đại chiến, mức tăng trưởng ở Đức nhanh gấp đôi ở Pháp, và ở Hoa Kỳ gần gấp đôi ở Anh. Tính trung bình, ưu thế tăng trưởng của Hoa Kỳ được duy trì cho đến sau Đại chiến thế giới lần thứ hai.

Như vậy, chính sự suy thoái tương đối của Anh (với chủ nghĩa tư bản Pháp đi theo) đã bắt đầu từ phần ba cuối cùng của thế kỷ XIX, trong khi sức mạnh của các chủ nghĩa tư bản Đức và Bắc Mỹ tăng lên.

Phần của Anh trong sản xuất công nghiệp thế giới từ 32% năm 1870 rơi xuống 14% trước Đại chiến và 9% trước cuộc khủng hoảng năm 1930; còn phần của Hoa Kỳ thì từ 23% tăng lên 38% và 42% (tương ứng).

### **Bảng 18**

#### *Tỷ lệ tăng trưởng từng thập kỷ về sản phẩm và sản phẩm theo đầu người*

##### **Tổng sản phẩm**

	<b>Anh</b>	<b>Pháp</b>	<b>Đức</b>	<b>Hoa Kỳ</b>
từ 1885-1894 đến 1905-1914	23,8	15,7 <sup>a</sup>	32,9 <sup>c</sup>	44,7
từ 1905-1914 đến 1925-1929	14,0	18,4 <sup>b</sup>	17,7 <sup>d</sup>	36,7 <sup>e</sup>
từ 1925-1929 đến 1954	16,3	11,5	26,5	33,2

##### **Sản phẩm theo đầu người**

	<b>Anh</b>	<b>Pháp</b>	<b>Đức</b>	<b>Hoa Kỳ</b>	<b>Nhật</b>
từ 1885-1894 đến 1905-1914	11,4	13,5 <sup>a</sup>	17 <sup>c</sup>	20,1	25,5
từ 1905-1914 đến 1925-1929	5,2	16,1 <sup>b</sup>	7,3 <sup>a</sup>	16,5 <sup>e</sup>	32,8
từ 1925-1929 đến 1952-1954	11,3	10,0	12,5	19,2	9,9

a 1861-1870 đến 1890-1900

b 1896-1929

c 1880-1889 đến 1905-1913

d 1895-1904 đến 1925-1929

e 1900-1909 đến 1925-1929

Nguồn WW Rostow, sách đã dẫn, t V-1, V-6, V-8 và V-12.

Anh chiếm một phần tư những trao đổi thế giới năm 1880, một phần sáu năm 1913, một phần tám năm 1948.

Sự suy thoái ấy, bước thụt lùi ấy - xin nói lại - chỉ là về mặt tương đối; nói chung, sản xuất, trao đổi vẫn tiếp tục tăng; đầu tư ở ngoài nước cũng tăng, nước Anh vẫn có mặt tích cực và có ảnh hưởng trên toàn thế giới. Nhưng, đứng trước những “bước nhảy vọt” của chủ nghĩa tư bản Đức, Bắc Mỹ và sau đó Nhật Bản, nó không còn có sức bật đã từng cho phép nó đứng ở vị trí hàng đầu nữa.

### **Bảng 19**

#### ***Phần của các nước công nghiệp hóa chủ yếu trong sản xuất công nghiệp thế giới (%)***

	Anh	Pháp	Đức (Tây Đức)	Nga (Liên Xô)	Hoa Kỳ	Nhật Bản	Phần thế giới còn lại
1870	32	10	13	4	23	-	18
1881-1885	27	9	14	3	29	-	18
1896-1900	20	7	17	5	30	1	20
1906-1910	15	6	16	5	35	1	22
1913	14	6	16	6	38	1	19
1926-1929	9	7	12	(4)	42	3	23
1936-1938	9	5	11	(19)	32	4	20
1963	5	4	(6)	(19)	32	4	30

Nguồn: W.W. Rostow, *sách đã dẫn*, t. II-2, tr 52.

Sự “suy yếu của đầu óc kinh doanh và cách tân”, sự phát triển của “tâm lý thực lợi” - có lẽ gắn với những lợi thế về những nguồn thu quan trọng ngoài nước đưa về đã được thấy rõ hồi đó.

Nông nghiệp Anh, sau một cơn suy thoái kéo dài, đã sống sót bằng cách chuyển đổi sang những phương pháp có hiệu quả nhất, nhưng nó lại trở thành bất lực vì chỉ thỏa mãn được hơn 40% nhu cầu thực phẩm của nước này và, tuy chưa bị giảm bớt thu nhập, nhưng phải cam chịu ở vào hàng thứ yếu và phải vuốt ve niềm hy vọng được chính phủ trợ giúp: nó chỉ giành